

CÁCH ĐỌC “s, es”

Quy tắc 1: Phát âm là /s/ khi tận cùng từ bằng -t, -p, k, f, -θ

EX: stops [stɒps] works [wɜ:ks]

Quy tắc 2: Phát âm là /iz/ khi tận cùng từ bằng s, ss, ch, x, sh, z, ge, ce

EX: misses /misiz/ ; watches [wochiz]

Quy tắc 3: Phát âm là /z/ đối với những từ còn lại

EX: study - studies; supply-supplies.....

1 glasses →

2 pieces →

3 tortoises →

4 bikes →

5 cups →

6 desks →

7 caps →

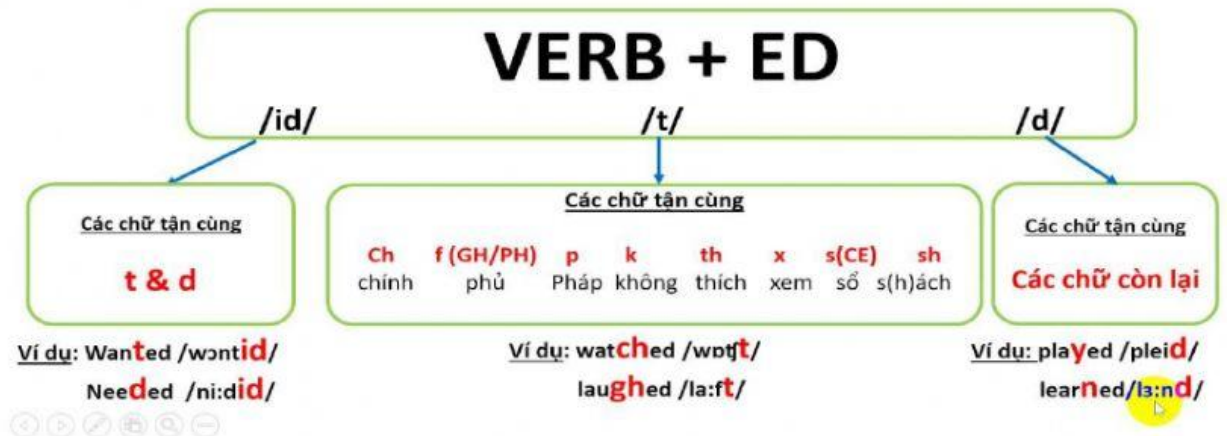
8 cards →

9 friends →

10 watches →

CÁCH ĐỌC “ed”

CÁCH PHÁT ÂM “ED” BẰNG CÂU THẦN CHÚ



- 1 decided →
- 2 counted →
- 3 helped →
- 4 waited →
- 5 stopped →
- 6 liked →
- 7 arrived →
- 8 packed →
- 9 showed →
- 10 laughed →

